

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)

Số/ No: 08042602/KQ

Tên khách hàng/ Customer : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG
NÔNG THÔN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Địa chỉ/ Address : Số 39 đường Hoàng Diệu, phường Long Hương, Thành phố Hồ
Chí Minh
Loại mẫu/ Type of sample : Nước sạch
Tên mẫu/ Name of sample : Trạm cấp nước An Thái, ấp Phú Thịnh 1, xã Phước Thành, Thành
phố Hồ Chí Minh (11.387552; 106.732224)
Mã số mẫu/ Code of sample : 080426-028
Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu nước trong, đựng trong 1 can nhựa 2,0L và 1 chai thủy tinh
0,5L
Số lượng/ Quantity : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : 08/04/2026 Ngày trả kết quả/ Date of result : 15/04/2026

| TT (No.) | Chỉ tiêu (Characteristic) | Đơn vị (Unit) | Phương pháp thử (Test method) | Kết quả (Result) | QCVN 01-1 :2024/BYT |
|-------------|---|------------------|---|----------------------|------------------------|
| | | | | 080426-028 | |
| 1. | (a) Coliforms | CFU/100mL | TCVN 6187-1:2019 | <1(*) | <1 |
| 2. | (a) E.coli | CFU/100mL | TCVN 6187-1:2019 | <1(*) | <1 |
| 3. | (a) Màu sắc/Color | TCU | TCVN 6185:2015 | KPH (LOD = 3) | 15 |
| 4. | (a) Mùi/Odor | -- | HDPT.N-03:2023 (Ref SMEWW 2150:2023) | Không có mùi lạ | Không có mùi lạ |
| 5. | (a) pH | -- | TCVN 6492:2011 | 6,68 | 6,0 – 8,5 |
| 6. | (a) Độ đục/Turbidity | NTU | SMEWW 2130:2023 | KPH (LOD = 0,12) | 2 |
| 7. | (a) Arsen/Arsenic (As) | mg/L | SMEWW 3125B:2023 | KPH (LOD = 0,002) | 0,01 |
| 8. | (a) Clo dư tự do/ free chlorine | mg/L | SMEWW 4500-Cl.G:2023 | 0,79 | 0,2 – 1,0 |
| 9. | (a) Chỉ số pecmanganat/ permanganate | mg/L | TCVN 6186 :1996 | < 1,5 (LOQ = 1,5) | 2 |
| 10. | (a) Amoni (tính theo N)/ Ammonium | mg/L | TCVN 6179-1:1996 | KPH (LOD = 0,03) | 1 |

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu phân tích đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2024/BYT. / The water sample had parameters which met requirements of National Technical Regulation on the domestic water quality QCVN 01-1:2024/BYT.

Ghi chú/Notes:

- (*) Kết quả được biểu thị "<1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra;
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the analysis sample only;
- Mẫu được lưu 30 ngày, kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh/ Sample is stored 30 days after reased the test results, except for microbiological criteria;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Limit of detection; LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of quantitation;
- (-): Không quy định/ No specified; (-): Không thực hiện/Not implemented;

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**

Số/ No: 08042602/KQ

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt / National technical regulation on Domestic Water Quality;
- Phòng thí nghiệm đã được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm (317/TN-TĐC) / The Testing Lab is granted a Certificate of Registration for Testing Activities (317/TN-TĐC) by the Ministry of Science and Technology;
- (a): Phương pháp đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BOA) – Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 599) / Method is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation – Viet Nam (Vilas 599)

**Trưởng phòng dịch vụ phân tích
(Head of analytical services)**



Nguyễn Đoàn Bình

**KT. Tổng Giám đốc/ PP. Director
Phó Tổng Giám đốc/ Vice Director**



Phan Duy Hưng

C
I
B
E
N
E
D
I
C
T

N
T
I
F
I
C

TRỤ SỞ CHÍNH

781/13/3A Lạc Long Quân, phường Bảy Hiền, Tp.HCM
Hotline: 0914949539
Email: info@bienduc.com
Web: www.bienduc.com

CN ĐÀ NẴNG

06, Hoài Thanh, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng
Hotline: 0914949774
Email: cndanang@bienduc.vn

CN HÀ NỘI

Nhà vườn 5, Tổng cục 5 Bộ công an, Yên Xá, Thanh Liệt, Hà Nội
Hotline: 0916949490
Email: cnhanoi@bienduc.vn



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)

Số/ No: 08042602/KQ

Tên khách hàng/ Customer : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG
NÔNG THÔN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Địa chỉ/ Address : Số 39 đường Hoàng Diệu, phường Long Hương, Thành phố Hồ
Chí Minh
Loại mẫu/ Type of sample : Nước sạch
Tên mẫu/ Name of sample : Hồ Hà Xuân Quyết, ấp Tân Bình, xã Phước Thành, Thành phố
Hồ Chí Minh (Trạm cấp nước An Thái) (11.233384; 106.439441)
Mã số mẫu/ Code of sample : 080426-029
Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu nước trong, đựng trong 1 can nhựa 2,0L và 1 chai thủy tinh
0,5L
Số lượng/ Quantity : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : 08/04/2026 Ngày trả kết quả/ Date of result : 15/04/2026

| TT (No.) | Chỉ tiêu (Characteristic) | Đơn vị (Unit) | Phương pháp thử (Test method) | Kết quả (Result) | QCVN 01-1 :2024/BYT |
|-------------|---|------------------|---|----------------------|------------------------|
| | | | | 080426-029 | |
| 1. | (a) Coliforms | CFU/100mL | TCVN 6187-1:2019 | <1(*) | <1 |
| 2. | (a) E.coli | CFU/100mL | TCVN 6187-1:2019 | <1(*) | <1 |
| 3. | (a) Màu sắc/Color | TCU | TCVN 6185:2015 | KPH (LOD = 3) | 15 |
| 4. | (a) Mùi/Odor | -- | HDPT.N-03:2023 (Ref SMEWW 2150:2023) | Không có mùi lạ | Không có mùi lạ |
| 5. | (a) pH | -- | TCVN 6492:2011 | 6,61 | 6,0 – 8,5 |
| 6. | (a) Độ đục/Turbidity | NTU | SMEWW 2130:2023 | KPH (LOD = 0,12) | 2 |
| 7. | (a) Arsen/Arsenic (As) | mg/L | SMEWW 3125B:2023 | KPH (LOD = 0,002) | 0,01 |
| 8. | (a) Clo dư tự do/ free chlorine | mg/L | SMEWW 4500-Cl.G:2023 | 0,68 | 0,2 – 1,0 |
| 9. | (a) Chỉ số pecmanganat/ permanganate | mg/L | TCVN 6186 :1996 | < 1,5 (LOQ = 1,5) | 2 |
| 10. | (a) Amoni (tính theo N)/ Ammonium | mg/L | TCVN 6179-1:1996 | KPH (LOD = 0,03) | 1 |

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu phân tích đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2024/BYT. / The water sample had parameters which met requirements of National Technical Regulation on the domestic water quality QCVN 01-1:2024/BYT.

Ghi chú/Notes:


- (*) Kết quả được biểu thị "<1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra;
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the analysis sample only;
- Mẫu được lưu 30 ngày, kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh/ Sample is stored 30 days after reased the test results, except for microbiological criteria;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Limit of detection; LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of quantitation;
- (-): Không quy định/ No specified; (-): Không thực hiện/Not implemented;

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**

Số/ No: 08042602/KQ

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt / National technical regulation on Domestic Water Quality;
- Phòng thí nghiệm đã được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm (317/TN-TĐC) / The Testing Lab is granted a Certificate of Registration for Testing Activities (317/TN-TĐC) by the Ministry of Science and Technology;
- (a): Phương pháp đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BOA) – Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 599) / Method is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation – Viet Nam (Vilas 599)

**Trưởng phòng dịch vụ phân tích
(Head of analytical services)**

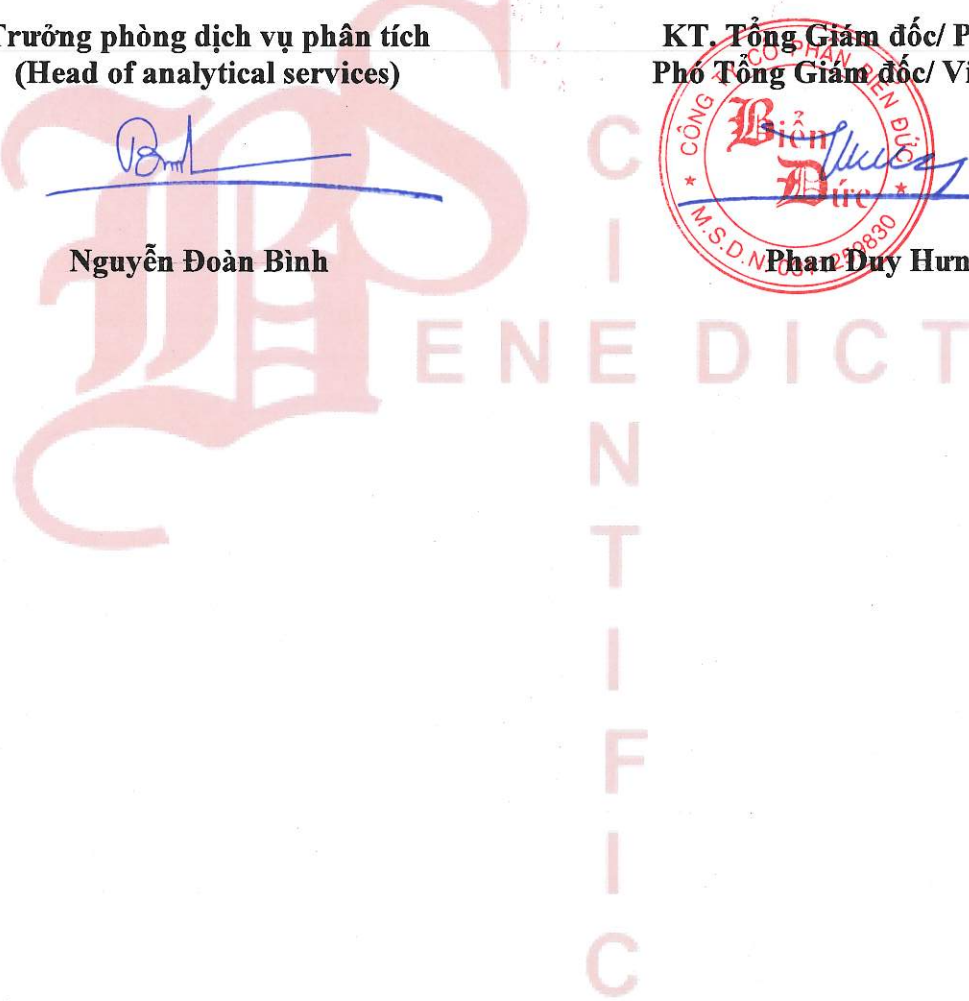


Nguyễn Đoàn Bình

**KT. Tổng Giám đốc/ PP.Director
Phó Tổng Giám đốc/ Vice Director**



Phan Duy Hưng



TRỤ SỞ CHÍNH
781/13/3A Lạc Long Quân, phường Bảy Hiền, Tp.HCM
Hotline: 0914949539
Email: info@bienduc.com
Web: www.bienduc.com

CN ĐÀ NẴNG.....
06, Hoài Thanh, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng
Hotline: 0914949774
Email: cndanang@bienduc.vn

CN HÀ NỘI.....
Nhà vườn 5, Tổng cục 5 Bộ công an, Yên Xá, Thanh Liệt, Hà Nội
Hotline: 0916949490
Email: cnhanoi@bienduc.vn

